

Phụ lục 01

Thu hồi dự toán kinh phí các cơ quan đơn vị

(Kèm theo Nghị quyết số 38/NQ-HĐND ngày 31/12/2025 của HĐND xã Vân Hồ)

Đơn vị tính: Đồng./.

STT	Tên đơn vị, nguồn kinh phí	Mã nguồn	Tổng cộng				Ghi chú
				Chi sự nghiệp VH-TT-TDTT-TTTH	Chi quản lý hành chính	Chi sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo	
	Tổng cộng		1.585.432.024	1.274.432.024	35.000.000	276.000.000	
1	Trung tâm Truyền thông Văn hóa		1.309.432.024	1.274.432.024	35.000.000	-	
	Lương, phụ cấp lương, chi khác	13	825.585.564	825.585.564			
	Kinh phí thực hiện chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ	18	70.000.000	70.000.000			
	Kinh phí thực hiện chế độ nhuận bút	12	1.000	1.000		-	
	Kinh phí hoạt động văn hóa, thể dục, thể thao, truyền thông khác	12	153.600.000	153.600.000			
	Kinh phí tổ chức bay flycam ghi nhận hiện trạng xây dựng trên địa bàn	12	35.000.000		35.000.000		
	Kinh phí tuyên truyền, quảng bá văn hóa du lịch Vân Hồ, quảng bá hình ảnh, thu hút đầu tư huyện Vân Hồ, tuyên truyền các ngày lễ lớn...	12	184.460.000	184.460.000			
	Kinh phí thuê hạ tầng và duy trì thuê bao (4G) các cụm thu ứng dụng CNTT- Viện thông (TT Truyền thông - Văn hóa)	12	500.000	500.000			
	Kinh phí trang Web du lịch Vân Hồ	12	9.285.460	9.285.460			
	Tiết kiệm 10% chi thường xuyên 7 tháng cuối năm	28	31.000.000	31.000.000			
2	Trường Mầm non Mường Men		10.000.000	-	-	10.000.000	
	Kinh phí thực hiện chính sách do HĐND tỉnh ban hành	12	10.000.000			10.000.000	
3	Trường TH&THCS Chiềng Yên		20.000.000	-	-	20.000.000	
	Kinh phí thực hiện chính sách do HĐND tỉnh ban hành	12	20.000.000			20.000.000	
4	Trường TH&THCS Mường Men		16.000.000	-	-	16.000.000	
	Kinh phí thực hiện chế độ do trung ương ban hành	12	5.000.000			5.000.000	
	Kinh phí thực hiện chính sách do HĐND tỉnh ban hành	12	11.000.000			11.000.000	
5	Trường TH Lóng Luông		31.000.000	-	-	31.000.000	
	Kinh phí thực hiện chế độ do trung ương ban hành	12	21.000.000			21.000.000	
	Kinh phí thực hiện chính sách do HĐND tỉnh ban hành	12	10.000.000			10.000.000	
6	Trường TH Vân Hồ		44.000.000	-	-	44.000.000	
	Kinh phí thực hiện chế độ do trung ương ban hành	12	44.000.000			44.000.000	
7	Trường THCS Lóng Luông		145.000.000	-	-	145.000.000	
	Kinh phí thực hiện chế độ do trung ương ban hành	12	145.000.000			145.000.000	
6	Trường THCS Vân Hồ		10.000.000	-	-	10.000.000	
	Kinh phí thực hiện chính sách do HĐND tỉnh ban hành	12	10.000.000			10.000.000	

Phụ lục 02
Bổ sung dự toán kinh phí các cơ quan đơn vị

(Kèm theo Nghị quyết số 38/NQ-HĐND ngày 31/12/2025 của HĐND xã Vân Hồ)

Đơn vị tính: Đồng./.

STT	Tên đơn vị, nguồn kinh phí	Mã nguồn	Tổng cộng										Ghi chú
				Chi sự nghiệp VHHT-TDTT-TTTH thu hồi tại điều 1	Chi sự nghiệp VHHT-TDTT-TTTH thu hồi tại Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 10/11/2025 của HĐND xã Vân Hồ	Bổ sung tại QĐ số 3372/QĐ-UBND tỉnh ngày 29/12/2025	Chi quản lý hành chính thu hồi tại điều 1	Chi sự nghiệp Y tế giao tại QĐ số 3333/QĐ-UBND tỉnh ngày 25/12/2025	Bổ sung tại QĐ số 3370/QĐ-UBND tỉnh ngày 29/12/2025	Chi sự nghiệp Giáo dục thu hồi tại điều 1	Bổ sung tại QĐ số 3374/QĐ-UBND tỉnh ngày 29/12/2025	Bổ sung tại QĐ số 3371/QĐ-UBND tỉnh ngày 29/12/2025	
	Tổng cộng		5.393.439.313	223.167.114	175.780.000	176.787.782	-	1.643.612.593	277.660.000	276.000.000	2.012.000.000	608.431.824	
1	Trung tâm dịch vụ Tổng hợp		575.734.896	223.167.114	175.780.000	176.787.782	-	-	-	-	-	-	
	Lương, phụ cấp lương, chi khác	13	319.996.000	11.569.978	175.780.000	132.646.022							
	Kinh phí thực hiện chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ	18	100.330.000	56.188.240		44.141.760							
	Kinh phí hoạt động văn hóa, thể dục, thể thao, tuyên truyền, quảng bá văn hóa du lịch Vân Hồ, quảng bá hình ảnh, thu hút đầu tư huyện Vân Hồ, tuyên truyền các ngày lễ lớn, truyền thông khác	15	124.408.896	124.408.896									
	Tiết kiệm 10% chi thường xuyên 7 tháng cuối năm	28	31.000.000	31.000.000									
2	Trạm Y tế xã Vân Hồ		1.643.612.593	-	-	-	-	1.643.612.593	-	-	-	-	
	Lương, phụ cấp lương, chi khác	13	799.086.558					799.086.558					
	Kinh phí thực hiện chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ	18	191.000.000					191.000.000					
	Kinh phí thực hiện chính sách phòng, chống và kiểm soát ma túy trên địa bàn tỉnh Sơn La theo nghị quyết 48/2022/NQ_HĐND ngày 09/12/2022, KH 22/KH-UBND ngày 20/01/2021 của UBND tỉnh	15	4.000.000					4.000.000					
	Kinh phí thực theo Quyết định 73/2011/QĐ-TTg; Kinh phí thực hiện chính sách đối với CTV dân số bản, tiểu khu, tổ dân phố theo Nghị quyết 03/2021/NQ-HĐND; Kinh phí thực hiện công tác dân số và phát triển; hoạt động chuyên môn khác	15	57.000.000					57.000.000					
	Kinh phí CTMTQG giảm nghèo (Nguồn vốn năm trước chuyển sang năm 2025)- Dự án 3	15	200.306.000					200.306.000					
	Chương trình MTQG phát triển KTXH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Dự án 7 (năm trước chuyển sang năm 2025)	15	392.220.035					392.220.035					
3	Phòng Kinh tế		277.660.000	-			-	-	277.660.000	-	-	-	
	Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ bảo vệ đất trồng lúa năm 2025	15	277.660.000						277.660.000				
4	Phòng Văn Hóa - Xã hội		756.000.000	-			-	-	-	-	756.000.000	-	
	Kinh phí cấp bù học phí cho sinh viên	15	756.000.000								756.000.000		
5	Trường Mầm non Chiềng Yên		184.000.000	-	-	-	-	-	-	184.000.000	-	-	

STT	Tên đơn vị, nguồn kinh phí	Mã nguồn	Tổng cộng										Ghi chú
				Chi sự nghiệp VH-TT-TDTT-TTTH thu hồi tại điều 1	Chi sự nghiệp VH-TT-TDTT-TTTH thu hồi tại Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 10/11/2025 của HĐND xã Vân Hồ	Bổ sung tại QĐ số 3372/QĐ-UBND tỉnh ngày 29/12/2025	Chi quản lý hành chính thu hồi tại điều 1	Chi sự nghiệp Y tế giao tại QĐ số 3333/QĐ-UBND tỉnh ngày 25/12/2025	Bổ sung tại QĐ số 3370/QĐ-UBND tỉnh ngày 29/12/2025	Chi sự nghiệp Giáo dục thu hồi tại điều 1	Bổ sung tại QĐ số 3374/QĐ-UBND tỉnh ngày 29/12/2025	Bổ sung tại QĐ số 3371/QĐ-UBND tỉnh ngày 29/12/2025	
	Kinh phí thực hiện chế độ do trung ương ban hành (gồm:KP thực hiện NĐ 66/2025/NĐ-CP; Nghị định số 238/2025/NĐ-CP; NĐ 105/2020/NĐ-CP; Thông tư liên tịch 42/1013/TTLT)	15	184.000.000							184.000.000			
6	Trường Mầm non Mường Men		194.000.000	-	-	-	-	-	-	31.000.000	163.000.000	-	
	Kinh phí thực hiện chế độ do trung ương ban hành (gồm:KP thực hiện NĐ 66/2025/NĐ-CP; Nghị định số 238/2025/NĐ-CP; NĐ 105/2020/NĐ-CP; Thông tư liên tịch 42/1013/TTLT)	15	194.000.000							31.000.000	163.000.000		
7	Trường Mầm non Lóng Luông		383.000.000	-	-	-	-	-	-	61.000.000	322.000.000	-	
	Kinh phí thực hiện chế độ do trung ương ban hành (gồm:KP thực hiện NĐ 66/2025/NĐ-CP; Nghị định số 238/2025/NĐ-CP; NĐ 105/2020/NĐ-CP; Thông tư liên tịch 42/1013/TTLT)	15	322.000.000								322.000.000		
	Kinh phí thực hiện chính sách do HĐND tỉnh ban hành (gồm:KP thực hiện NQ 140/2020/NQ-HĐND; NQ 20/2016/NQ-HĐND; NQ 124/2019/NQ-HĐND)	15	61.000.000							61.000.000			
8	Trường Mầm non Vân Hồ		93.000.000	-	-	-	-	-	-	-	93.000.000	-	
	Kinh phí thực hiện chế độ do trung ương ban hành (gồm:KP thực hiện NĐ 66/2025/NĐ-CP; Nghị định số 238/2025/NĐ-CP; NĐ 105/2020/NĐ-CP; Thông tư liên tịch 42/1013/TTLT)	15	93.000.000								93.000.000		
9	Trường TH&THCS Chiềng Yên		36.000.000	-	-	-	-	-	-	-	36.000.000	-	
	Kinh phí thực hiện chế độ do trung ương ban hành (gồm:KP thực hiện NĐ 66/2025/NĐ-CP; Nghị định số 238/2025/NĐ-CP; NĐ 105/2020/NĐ-CP; Thông tư liên tịch 42/1013/TTLT)	15	36.000.000								36.000.000		
10	Trường Tiểu học Vân Hồ		608.431.824	-	-	-	-	-	-	-	-	608.431.824	
	Kinh phí thực hiện Nghị định số 154/2025/NĐ-CP ngày 15/6/2025 của Chính phủ	15	608.431.824									608.431.824	
11	Trường THCS Vân Hồ		642.000.000	-	-	-	-	-	-	-	642.000.000	-	
	Kinh phí thực hiện chế độ do trung ương ban hành (gồm:KP thực hiện NĐ 66/2025/NĐ-CP; Nghị định số 238/2025/NĐ-CP; NĐ 105/2020/NĐ-CP; Thông tư liên tịch 42/1013/TTLT)	15	642.000.000								642.000.000		